

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 05 /2017/HNGĐ-ST
Ngày : 10-11-2017
V/v Tranh chấp ly hôn
và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L TỈNH TRÀ VINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Diễm

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017. Về tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST – HN ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khóm B, phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Lan V trình bày: Chị V và anh C do tìm hiểu quen biết nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý đi đến hôn nhân vào ngày 05/3/2012a1, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nữ trang cưới có một đôi bông tai, một dây chuyền, một nhẫn cưới và một chiếc vòng tay,

tất cả bằng vàng 24Kra nhưng chị không nhớ trọng lượng bao nhiêu, nữ trang cưới vợ chồng thỏa thuận bán không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc hai năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C không lo cho gia đình, không lo cho vợ con, chị V đã nhiều lần khuyên nhưng anh C không sửa đổi, từ đó mà vợ chồng sống ly thân nhau từ ngày 01/01/2016 cho đến nay không hàn gắn được. Nay chị V yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung : Chị V với anh C có một người con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh 12/7/2015. Sau khi ly hôn chị V yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đồng đến khi tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng : Chị V xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Huỳnh Thanh C trình bày: Anh C có cùng lời trình bày với chị V về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn và vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định, cũng như về nữ trang ngày cưới. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, trong cuộc sống vợ chồng thường hay cự cãi nhau, từ đó mà vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hàn gắn không hạnh phúc anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Về con chung : Nguyễn Hữu L, sinh 12/7/2015 hiện đang sống với chị V. Sau khi ly hôn anh C đồng ý giao chị V tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đồng đến khi tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng : Anh C xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị V là nguyên đơn và anh C là bị đơn đều có mặt; Các đương sự có mặt tại phiên tòa không bổ sung thêm chứng cứ và vẫn giữ lời, yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Về tố tụng :

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp : Chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án : Bị đơn anh C có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện L có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung :

[3] Chị V và anh C đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định : *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”* và *“Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...”*. Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số : 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định : *“Trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”*. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa chị V với anh C là không hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị V và anh C không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên không công nhận chị V với anh C là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung : Chị V và anh C thống nhất có một người con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh 12/7/2015 hiện đang sống với chị V. Chị V và anh C tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn giao chị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đồng đến khi tròn 18 tuổi. Sự tự nguyện này của chị V và anh C phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng : Chị V và anh C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[6] Về án phí : Theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) và anh C phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 233, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan V.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lan V với anh Huỳnh Thanh C.

2/ Về con chung : Chị Nguyễn Thị Lan V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hữu L, sinh 12/7/2015.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con : Anh Huỳnh Thanh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hữu L mỗi tháng 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng), cấp dưỡng cho đến khi Nguyễn Hữu L tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng : Chị V và anh C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Lan V phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0010436 nộp ngày 27/9/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L được khấu trừ vào số tiền án phí mà chị Nguyễn Thị Lan V phải chịu, do đó chị V không phải nộp.

Anh Huỳnh Thanh C phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Lan V và anh Huỳnh Thanh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6

, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện L;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh